

PHỤ LỤC 2: THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 809/BC-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh)

Căn cứ dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương năm 2023 đã được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ để trình Quốc hội; Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ tại Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND; căn cứ số liệu thống kê: quy mô dân số (số hộ dân); số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã, số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, lực lượng lao động đủ 15 tuổi trở lên; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi; tiêu chí xác định huyện nghèo; huyện miền núi, vùng cao do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp và đối chiếu với số liệu của UBND các huyện, thành phố báo cáo, dự toán chi của các đơn vị cấp tỉnh để làm cơ sở phân bổ kinh phí cho các dự án, tiểu dự án. Cụ thể:

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình năm 2024:

Tổng dự toán giao năm 2024 để thực hiện Chương trình là: 147.894 triệu đồng. Trong đó: NSTW 143.586 triệu đồng, NSDP đối ứng 4.308 triệu đồng. Tổng số kinh phí đối ứng của tỉnh đảm bảo không thấp hơn kinh phí đối ứng tối thiểu là $143.586 \text{ triệu đồng} * 3\% = 4.308 \text{ triệu đồng}$ đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 13, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Phương án phân bổ:

Tổng kinh phí sự nghiệp phân bổ và giao dự toán năm 2024 cho các đơn vị, địa phương: 147.894 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh: 29.785 triệu đồng.
- Giao dự toán cho UBND các huyện, thành phố: 118.109 triệu đồng.

(Chi tiết nguồn kinh phí phân bổ và giao dự toán theo Biểu số 01, 02 đính kèm)

*** Về nguyên tắc phân bổ:**

- Thực hiện phân bổ theo đúng số kinh phí sự nghiệp và lĩnh vực chi ngân sách nhà nước được Trung ương giao thực hiện Chương trình.

- Phương án phân bổ và giao dự toán tuân thủ theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND (dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thường lệ HĐND tỉnh tháng 12/2023).

- Số liệu thống kê làm căn cứ xác định hệ số tính điểm mỗi tiêu chí của các dự án, tiểu dự án làm cơ sở để phân bổ kinh phí đã được cơ quan thường trực Chương trình là Sở Lao động - Thương binh và xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương rà soát, tổng hợp, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của mỗi huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, theo đó phương án

phân bổ đảm bảo tinh công bằng, công khai, minh bạch, hài hòa giữa các huyện, thành phố.

Cơ sở phân bổ kinh phí cho UBND các huyện, thành phố: Việc phân bổ kinh phí cho dự án, tiểu dự án căn cứ theo tiêu chí chấm điểm và phương pháp tính toán theo quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, cụ thể trên cơ sở số lượng, tỷ lệ, hệ số với từng tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án, UBND tỉnh xác định tổng điểm của từng dự án, tiểu dự án; số điểm của mỗi địa phương và số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, theo đó làm căn cứ phân bổ nguồn kinh phí bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi địa phương.

(Chi tiết phương pháp tính toán tại mục III bản thuyết minh này).

III. Phương pháp tính và xác định vốn phân bổ:

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Tổng nguồn vốn để thực hiện dự án 1 là 12.837 triệu đồng. Trong đó NSTW 12.463 triệu đồng; nguồn NSDP đối ứng 374 triệu đồng.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện thực hiện Dự án 1 theo biểu số 2.1 đính kèm

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Tổng nguồn vốn để thực hiện dự án 2 là 43.585 triệu đồng. Trong đó NSTW: 42.316 triệu đồng; nguồn NSDP đối ứng: 1.269 triệu đồng. Theo khoản 1, điều 7, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn như sau:

- Phân bổ tối đa 15% cho Sở, ban. Ngành cấp tỉnh là 6.537 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 6.347 triệu đồng, vốn NSDP: 190 triệu đồng).

- Phân bổ tối thiểu 85% là 37.048 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 35.969 triệu đồng, vốn NSDP: 1.079 triệu đồng) cho các địa phương. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 2 theo Biểu số 2.2 đính kèm)

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng;

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3 là 18.018 triệu đồng. Trong đó, NSTW 17.493 triệu đồng; nguồn NSDP 525 triệu đồng. Theo điểm a), khoản 1, Điều 8, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phân bổ như sau:

- Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh 1.802 triệu đồng (trong đó: vốn NSTW: 1.749 triệu đồng, vốn NSDP: 53 triệu đồng)

- Phân bổ cho các địa phương: 16.216 triệu đồng (trong đó: vốn NSTW: 15.744 triệu đồng, vốn NSDP: 472 triệu đồng). Việc phân bổ vốn cho các địa

phương thực hiện theo khoản 1, điều 2, Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Tiểu dự án 1 Dự án 3 theo Biểu số 2.3 đính kèm)

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 2, dự án 3 là 3.593 triệu đồng. Trong đó, nguồn NSTW 3.488 triệu đồng; nguồn NSDP đối ứng: 105 triệu đồng.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện theo Biểu số 2.4 đính kèm.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Tổng vốn thực hiện tiểu dự án là 30.897 triệu đồng. Trong đó: NSTW 29.997 triệu đồng, NSDP đối ứng 900 triệu đồng. Theo điểm b), khoản 1, điều 9, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phân bổ như sau:

- Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 1.050 triệu đồng (NSTW 1.020 triệu đồng, NSDP 30 triệu đồng), tương đương 3,4% tổng nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án. Phần còn lại 16,6% phân bổ cho các địa phương thực hiện nội dung đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Nội dung: Hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh:

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Nghị Quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: phân bổ theo tỷ lệ: Trường Cao đẳng Bắc Kạn 80%, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Ngân Sơn: 10%, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Pác Nặm 10%. Phân bổ 12.360 triệu đồng (NSTW: 11.999 triệu đồng, NSDP: 361 triệu đồng) cho các đơn vị Huyện Pác Nặm, Huyện Ngân Sơn, Trường Cao đẳng Bắc Kạn theo biểu số 2.5 đính kèm.

- Nội dung: Hỗ trợ đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có thu nhập thấp: Phân bổ 56,6% (bao gồm 16,6% các sở, ban, ngành cấp tỉnh + 40% cấp huyện) cho các địa phương để đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp 17.487 triệu đồng (trong đó NSTW: 16.978 triệu đồng, NSDP: 509 triệu đồng) chi tiết theo biểu 2.6 đính kèm.

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 2, dự án 4 là 1.726 triệu đồng. Trong đó, nguồn NSTW: 1.676 triệu đồng, nguồn NSDP đối ứng theo quy định là: 50 triệu đồng. Theo mục a, khoản 2, điều 9, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 18% là 311 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 302 triệu đồng, vốn NSDP: 9 triệu đồng) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Phân bổ tối thiểu 82% là 1.415 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 1.374 triệu đồng, vốn NSDP: 41 triệu đồng) cho các địa phương. Căn cứ quy định tại mục b, Khoản 2, Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố theo Biểu số 2.7 đính kèm.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 3, dự án 4 là 6.523 triệu đồng. Trong đó nguồn NSTW 6.333 triệu đồng, nguồn NSDP đối ứng: 190 triệu đồng. Theo mục a, khoản 3, điều 9, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 10% là 652 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 633 triệu đồng, vốn NSDP: 19 triệu đồng) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Phân bổ tối thiểu 90% là 5.871 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 5.700 triệu đồng, vốn NSDP: 171 triệu đồng) cho các địa phương. Căn cứ quy định tại điểm b, Khoản 3, Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố theo Biểu số 2.8 đính kèm.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo

Tổng nguồn vốn để thực hiện dự án 5 là 11.325 triệu đồng. Trong đó, nguồn ngân sách trung ương là 10.995 triệu đồng, nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là: 330 triệu đồng.

Theo quy định tại khoản 1, điều 10, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: Vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước phân bổ để thực hiện Dự án 5 căn cứ theo cơ sở kế hoạch vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm và nhu cầu thực tế của các địa phương, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

Trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng phân bổ 100% vốn sự nghiệp hỗ trợ xây mới và sửa chữa cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Ngân Sơn và huyện Pác Nặm, số liệu chi tiết theo Biểu số 2.9 đính kèm.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

6.1. Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 1, dự án 6 là 6.697 triệu đồng. Trong đó, nguồn NSTW là 6.502 triệu đồng, nguồn NSDP đối ứng: 195 triệu đồng. Theo điểm a, khoản 1, điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 30% là 654 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 635 triệu đồng, vốn NSDP: 19 triệu đồng) cho các đơn vị Sở Thông tin và truyền thông: 91 triệu đồng, Báo Bắc Kạn: 263 triệu đồng, Đài phát thanh truyền hình: 300 triệu đồng; phân bổ kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án (gọi là D) cho Sở Thông tin và truyền thông là 5.106 triệu đồng.

- Phân bổ phần ngân sách còn lại cho các địa phương là 937 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 910 triệu đồng, vốn NSĐP: 27 triệu đồng) cho các địa phương. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1, điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố theo Biểu số 2.10 đính kèm.

6.2. Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 2, dự án 6 là 2.518 triệu đồng. Trong đó, nguồn NSTW là 2.444 triệu đồng, nguồn NSĐP đối ứng: 74 triệu đồng. Theo điểm a, khoản 2, điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 35% là 881 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 855 triệu đồng, vốn NSĐP: 26 triệu đồng) cho các đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và xã hội là 586 triệu đồng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam là: 295 triệu đồng.

- Phân bổ tối thiểu 65% là 1.637 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 1.589 triệu đồng, vốn NSĐP: 48 triệu đồng) cho các địa phương. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố theo biểu 2.11 đính kèm.

7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Tổng nguồn vốn để thực hiện dự án 7 là 10.155 triệu đồng. Trong đó, nguồn ngân sách trung ương là 9.879 triệu đồng, nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là: 296 triệu đồng.

Theo khoản 1, điều 12, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 25% là 2.524 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 2.470 triệu đồng, vốn NSĐP: 74 triệu đồng) cho các đơn vị Sở Lao động - Thương binh và xã hội: 1.860 triệu đồng, Sở Tư pháp: 51 triệu đồng, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 448 triệu đồng, Sở Thông tin và truyền thông: 60 triệu đồng, Sở Y tế: 105 triệu đồng, Sở Xây dựng: 20 triệu đồng.

- Phân bổ tối thiểu 75% là 7.361 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 7.409 triệu đồng, vốn NSĐP: 222 triệu đồng) cho các địa phương. Căn cứ quy định tại khoản 2, điều 12, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố theo biểu số 2.12 đính kèm.

IV. Nguồn số liệu thống kê làm căn cứ xác định hệ số đối với các tiêu chí:

- Quy mô dân số; số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo xác định theo số liệu thống kê tại biểu mẫu 7.1, Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

- Tiêu chí địa bàn khó khăn: Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

- Tiêu chí đặc điểm địa lý của huyện nghèo: Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Huyện khu vực miền núi, vùng cao theo Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08/3/2021 của Bộ Nội vụ.

- Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã xác định theo Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và tiêu chí tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương, đơn vị báo cáo và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

- Tiêu chí lực lượng lao động đủ 15 tuổi trở lên: căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh tại Niên giám thống kê năm 2020 và các ấn phẩm thống kê theo quy định.